| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số:24/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28-4-2022
V/v "Tranh chấp hôn nhân gia đình"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Anh.
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hải Lý.
Bà Nguyễn Thị Kiên.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Lành - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2021/TLST-HNGĐ ngày 04/3/2022 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

**1.** *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1991; địa chỉ:Tổ dân phố T, phường Xh, quận B, thành phố H (Vắng mặt).

**2**. *Bị đơn*: Anh Dương Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

******* *Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/2/2022, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thu H trình bày:* Chị và anh Dương Văn T kết hôn ngày 18/12/2019 trên cơ sở tự nguyện và có đăng kí kết hôn tại UBND phường X, quận B, thành phố H. Sau khi kết hôn thì chị về nhà anh T chung sống cùng anh T và gia đình anh T tại Thôn N, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

ngay. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Đến cuối năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có sự bất đồng trong quan điểm sống, anh T uống rượu vào hay chửi bới, đánh đập chị, gia đình anh T cũng không khuyên răn anh T mà còn chửi đuổi chị ra khỏi nhà. Đến đầu năm 2021, anh T và mẹ anh T có chửi và đuổi chị ra khỏi nhà nên chị đã phải ra ngoài sinh sống. Từ đó đến nay chị không quay lại chung sống cùng anh T nữa. Chị và anh T ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Trong khoảng thời gian sống ly thân, anh T và gia đình anh T không ai liên lạc gì với chị, cũng không dàn xếp gì để vợ chồng về đoàn tụ chung sống cùng nhau. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, chị đề nghị được ly hôn với anh Dương Văn T.

Về con chung: Vợ chồng  không có con chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Vợ chồng không có gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị bận công việc, đồng thời chị đã có lời khai đầy đủ và tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án nên chị đề nghị được vắng mặt trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị và anh T.

*Bị đơn anh Dương Văn T trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thu H kết hôn ngày 18/12/2019 trên cơ sở tự nguyện và có đăng kí kết hôn tại UBND phường X, quận B, thành phố H. Sau khi kết hôn chị H về chung sống cùng anh và gia đình tại Thôn N, xã N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang ngay. Quá trình chung sống ban đầu vợ chồng hòa thuận hạnh phúc. Đến năm cuối năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H hay đi ăn uống, chơi bời tụ tập bạn bè, không chịu lo lắng cho gia đình, dẫn đến anh chị thường xuyên cãi nhau, anh có khuyên bảo chị H  là phụ nữ thì phải chăm lo gia đình nhưng chị H không nghe. Hai bên đã ngồi nói chuyện với nhau rất nhiều lần để

xây đắp hạnh phúc gia đình nhưng đều không có kết quả. Đến đầu năm 2021, do bức xúc với chị H từ trước, đồng thời anh có uống rượu nên đã chửi và đuổi chị H ra khỏi nhà. Từ đó chị H đã ra ngoài sinh sống, không còn chung sống cùng anh nữa. Anh chị đã ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Trong khoảng thời gian sống ly thân giữa anh và chị H không ai liên lạc gì, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn chị H.

Về con chung: Vợ chồng  không có con chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Anh chị không có gì nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh bận công việc, không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình  giữa chị H và anh được, nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các buổi làm việc như trên của Tòa án.

Tại phiên tòa, chị H và anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố nội dung vụ án, thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị H; biên bản lấy lời khai của chị H, biên bản lấy lời khai của anh T và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của BLTTDS.

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án*:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 53,56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều  28,35, 39, 227, 228, 271, 273, 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội BLTTDS Xử:

Về quan hệ hôn nhân**:** Chị Nguyễn Thu H được ly hôn anh Dương Văn T.

Về án phí: Chị Nguyễn Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

Kiến nghị khắc phục: không.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thu H bị đơn là anh Dương Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt chị H anh T.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thu H là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Dương Văn T, anh T có hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã N, huyện Y, tỉnh B nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh B.

[3]. Về nội dung:

[3.1].Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu H và anh Dương Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường X, quận B, thành phố H ngày 18/12/2019. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H anh T là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống của chị H anh T: Chị H anh T đều xác định ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn.

Chị H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có sự bất đồng trong quan điểm sống, anh T uống rượu vào hay chửi bới, đánh đập chị, gia đình anh T cũng không khuyên răn anh T mà còn chửi và đuổi chị ra khỏi nhà. Đến đầu năm 2021, anh T và mẹ anh T chửi và có đuổi chị ra khỏi nhà nên chị đã phải ra ngoài sinh sống. Từ đó đến nay chị không quay lại chung sống cùng anh T nữa; anh T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H hay đi ăn uống, chơi bời tụ tập bạn bè, không chịu lo lắng cho gia đình, dẫn đến anh chị thường xuyên cãi nhau, anh có khuyên bảo chị H  là phụ nữ thì phải chăm lo gia đình nhưng chị H không nghe. Hai bên đã ngồi nói chuyện với nhau rất nhiều lần để xây đắp hạnh phúc gia đình nhưng đều không có kết quả. Đến đầu năm 2021, do bức xúc với chị H từ trước, đồng thời anh có uống rượu nên đã chửi và đuổi chị H ra khỏi nhà. Từ đó chị H đã ra ngoài sinh sống, không còn chung sống cùng

anh nữa. Cả hai bên đều thừa nhận vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Nay, chị H xin ly hôn anh T, anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn chị H.

Qua xác minh tại địa phương thì thấy: Anh T có hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã N, huyện Y. Chị H và anh T kết hôn năm 2019. Sau khi kết hôn chị H về chung sống cùng anh T. Quá trình chung sống hai bên thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị H không thương yêu, chăm sóc chồng và gia đình nhà chồng. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Kể từ đầu năm 2021 thì chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Hà Nội sinh sống, không chung sống cùng anh T nữa. Nay, chị H xin ly hôn anh, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, chứng tỏ hôn nhân giữa chị H anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H và anh T được ly hôn.

[3.2]. Về con chung: Chị H và anh T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Chị H anh T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thu H được ly hôn anh Dương Văn T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu thu số: 0009417 ngày 04/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
-TAND tỉnh B;
- VKSND huyện Y;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND phường X, quận B, tp H;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Nguyễn Thị Anh**